

**Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 51



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nài, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Tiến	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Trưởng Ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 289 UQ/ĐLS – TCKT ngày 1 tháng 7 năm 2016.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

802-Q  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
'NH  
' & YO  
' T NAI  
NHẬP  
À NỘI  
ẾM - 1

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 61060845/19539448/HN-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con"), được lập ngày 12 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.215.698.399.450</b>	<b>1.093.332.804.390</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>186.069.285.058</b>	<b>81.172.629.111</b>
111	1. Tiền		177.354.285.058	15.225.396.667
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.715.000.000	65.947.232.444
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>46.595.000.000</b>	<b>77.169.623.717</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	46.595.000.000	77.169.623.717
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>403.513.819.527</b>	<b>378.305.408.552</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	79.926.505.766	115.829.678.321
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	261.391.002.681	208.074.329.224
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	32.830.645.706	40.734.329.244
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	52.384.335.938	36.834.678.327
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(23.018.670.564)	(23.167.606.564)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>534.118.499.415</b>	<b>551.943.613.290</b>
141	1. Hàng tồn kho		536.690.352.973	555.271.566.604
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.571.853.558)	(3.327.953.314)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>45.401.795.450</b>	<b>4.741.529.720</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	45.145.984.669	4.486.394.044
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		255.810.781	255.135.676





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.471.787.922.345</b>	<b>1.514.838.040.144</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.121.577.692</b>	<b>2.936.979.236</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	1.815.401.544
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.144.077.692	1.144.077.692
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(22.500.000)	(22.500.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.300.772.960.895</b>	<b>1.368.800.443.655</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.263.876.952.375	1.331.654.602.080
222	Nguyên giá		2.897.059.387.202	3.065.916.968.131
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.633.182.434.827)	(1.734.262.366.051)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	36.896.008.520	37.145.841.575
228	Nguyên giá		47.903.559.576	47.903.559.576
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.007.551.056)	(10.757.718.001)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>76.281.826.601</b>	<b>46.580.118.559</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	76.281.826.601	46.580.118.559
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>30.773.373.529</b>	<b>30.639.388.207</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		15.322.227.729	15.388.242.407
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.251.145.800
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>62.838.183.628</b>	<b>65.881.110.487</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	58.331.525.026	61.252.977.083
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	4.506.658.602	4.628.133.404
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.687.486.321.795</b>	<b>2.608.170.844.534</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.066.703.705.009</b>	<b>923.869.830.318</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>984.159.346.186</b>	<b>840.354.604.902</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	74.189.955.179	64.684.317.939
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	4.029.364.613	6.820.644.351
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.900.070.677	15.975.932.502
314	4. Phải trả người lao động	17	6.755.073.019	8.479.010.346
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	20.164.121.664	9.044.992.768
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	15.791.022.178	12.921.260.514
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	818.306.328.359	692.440.163.972
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	41.023.410.497	29.988.282.510
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>82.544.358.823</b>	<b>83.515.225.416</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		566.154.578	283.077.298
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	10.190.855.983	10.190.855.983
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	6.649.700.000	4.720.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	65.137.648.262	68.321.292.135
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.620.782.616.786</b>	<b>1.684.301.014.216</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>1.585.058.862.495</b>	<b>1.644.382.425.638</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		590.115.782.416	578.116.732.076
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		111.585.743	127.719.882
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.887.514.447	148.580.351.423
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		67.929.981.107	22.652.126.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		14.957.533.340	125.928.224.536
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.767.568.105	37.381.210.473
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>23</b>	<b>35.723.754.291</b>	<b>39.918.588.578</b>
431	1. Nguồn kinh phí		8.601.054.247	2.506.077.155
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		27.122.700.044	37.412.511.423
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.687.486.321.795</b>	<b>2.608.170.844.534</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	475.541.945.621	858.283.989.122
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	1.824.723.232
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	25.1	475.541.945.621	856.459.265.890
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	402.901.516.588	692.967.730.219
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		72.640.429.033	163.491.535.671
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	4.332.028.552	13.843.353.858
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	27	21.319.724.814 21.094.671.074	19.314.522.039 18.853.285.251
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	13.1	(66.014.678)	(311.366.588)
25	9. Chi phí bán hàng	28	13.062.668.132	14.349.833.745
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	28.902.437.874	43.811.035.861
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		13.621.612.087	99.548.131.296
31	12. Thu nhập khác	29	9.105.867.024	80.404.520
32	13. Chi phí khác	29	5.208.092.706	4.357.595.833
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]	29	3.897.774.318	(4.277.191.313)

80 NG NI & T N IA / 7E

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.519.386.405	95.270.939.983
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	4.523.449.130	14.061.340.872
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	121.474.802	95.573.510
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		12.874.462.473	81.114.025.601
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	14.957.533.340	75.042.544.819
62	20. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	(2.083.070.867)	6.071.480.782
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	214	970
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	214	970



Người lập  
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2018

2-C  
T  
H  
Y  
N  
H  
A  
N  
C  
M

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>17.519.386.405</b>	<b>95.270.939.983</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		50.915.397.917	47.662.151.616
03	Các khoản dự phòng		(905.035.756)	6.289.712.415
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(59.342.429)	(169.391.667)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.536.817.630)	(12.732.906.889)
06	Chi phí lãi vay	27	21.094.671.074	18.853.285.251
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>78.028.259.581</b>	<b>155.173.790.709</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(35.453.339.438)	47.338.333.758
10	Giảm hàng tồn kho		18.581.213.631	248.497.209.234
11	Giảm các khoản phải trả		(16.023.123.896)	(117.956.262.842)
12	Tăng chi phí trả trước		(37.738.138.568)	(29.368.866.448)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.990.356.361)	(20.841.505.109)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(14.915.044.940)	(6.893.061.943)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.439.294.000	6.219.160.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.656.476.996)	(3.135.522.537)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(26.727.712.987)</b>	<b>279.033.274.822</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(12.898.530.116)	(19.156.092.517)
22	Tiền thu do thanh lý nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		30.241.850.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(84.603.208.062)	(43.323.353.333)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		124.696.916.861	60.735.827.401
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	13.890.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		4.141.698.864	1.976.974.130
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>61.578.727.547</b>	<b>14.123.855.681</b>

11/07/2017  
 DU  
 AN  
 H  
 H  
 H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
33	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền thu từ đi vay		870.872.280.535	434.407.954.454
36	Tiền chi trả nợ gốc vay		(743.076.416.148)	(640.934.027.274)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(57.750.223.000)	(42.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>70.045.641.387</b>	<b>(248.526.072.820)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>104.896.655.947</b>	<b>44.631.057.683</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>81.172.629.111</b>	<b>44.371.716.087</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>186.069.285.058</b>	<b>89.002.773.770</b>



Người lập  
Nguyễn Thị Nhung



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nài, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 2.006 (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.996).

***Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con***

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 91% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 8 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (i)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	56,61%	56,61%	Huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
7	Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
8	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các công ty này đang trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

18/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm/kỳ tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm/kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

#### 3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

11/01/2018  
01 AM  
11/11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ***

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.15 *Nguồn kinh phí sự nghiệp***

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

**3.16 *Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

SỞ HỮU NIÊN ĐỘ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tiền mặt	2.545.823.757	663.275.387
Tiền gửi ngân hàng	174.808.461.301	14.562.121.280
Các khoản tương đương tiền (*)	8.715.000.000	65.947.232.444
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>186.069.285.058</u></b>	<b><u>81.172.629.111</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 1% – 5,4%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 6,3 – 6,8%/năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải thu từ khách hàng	73.559.392.766	112.908.075.321
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh</i>	-	66.714.186.000
<i>Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh</i>	575.000.000	13.900.000.000
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam</i>	26.507.481.000	-
<i>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	8.018.114.878	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	38.458.796.888	32.293.889.321
Phải thu từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	6.367.113.000	2.921.603.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>79.926.505.766</u></b>	<b><u>115.829.678.321</u></b>
Dự phòng	(7.530.287.159)	(7.637.643.159)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Trả trước cho người bán	260.480.289.431	179.192.329.224
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân</i>	121.387.879.285	147.876.112.819
<i>Công ty TNHH Kim Hà Việt</i>	46.250.000.000	-
<i>Công ty TNHH An Hà</i>	25.450.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	67.392.410.146	31.316.216.405
Trả trước cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	910.713.250	28.882.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>261.391.002.681</u></b>	<b><u>208.074.329.224</u></b>
Dự phòng	(1.280.300.000)	(1.321.880.000)

11/18  
 CÔNG  
 TI  
 ST  
 TẾ  
 HI  
 HẢ  
 /KH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN** (tiếp theo)

**6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	23.167.606.564	16.919.765.705
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(148.936.000)	(169.861.402)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	6.459.573.817
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>23.018.670.564</u></b>	<b><u>23.209.478.120</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)</i>	<i>(7.530.287.159)</i>	<i>(7.165.243.237)</i>
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>	<i>(1.280.300.000)</i>	<i>(1.280.300.000)</i>
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>	<i>(14.208.083.405)</i>	<i>(14.763.934.883)</i>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<b>Ngắn hạn</b>						
Cho vay các hộ trồng mía	32.830.645.706	-	32.830.645.706	40.734.329.244	-	40.734.329.244
<b>Dài hạn</b>						
Cho vay các hộ trồng mía	-	-	-	1.815.401.544	-	1.815.401.544
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.830.645.706</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>32.830.645.706</u></b>	<b><u>42.549.730.788</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>42.549.730.788</u></b>

Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn từ dưới 1 năm đến 3 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân với mức lãi suất là 6,5%/năm để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công và các hộ nông dân trồng mía.

02-  
T  
H  
& Y  
T N  
NH  
, N  
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Các khoản cho vay không lãi suất quá hạn	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía (**)	5.379.860.078	(4.462.078.669)	5.379.860.078	(4.462.078.669)
Tạm ứng cho công nhân viên	20.702.751.603	(121.790.939)	2.472.965.970	(121.790.939)
Phải thu về tiền lãi dự thu	1.184.180.645	-	1.559.638.332	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.813.942.000	-	8.180.952.000	-
Phải thu khác	6.799.541.306	(1.120.153.491)	4.737.201.641	(1.120.153.491)
	<b>52.384.335.938</b>	<b>(14.208.083.405)</b>	<b>36.834.678.327</b>	<b>(14.208.083.405)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu tiền đầu tư dự án tưới nước nhỏ giọt	1.121.577.692	-	1.121.577.692	-
Phải thu dài hạn khác	22.500.000	(22.500.000)	22.500.000	(22.500.000)
	<b>1.144.077.692</b>	<b>(22.500.000)</b>	<b>1.144.077.692</b>	<b>(22.500.000)</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.528.413.630</b>	<b>(14.230.583.405)</b>	<b>37.978.756.019</b>	<b>(14.230.583.405)</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	28.224.353.324		29.474.695.713	
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	25.304.060.306		8.504.060.306	

(\*) Đây là giá trị góp vốn được chuyển cho một doanh nghiệp đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ nhận lại toàn bộ khoản góp vốn này tại ngày đáo hạn của hợp đồng hợp tác kinh doanh này, mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ được phân chia lợi nhuận (nếu có) từ việc hợp tác kinh doanh này với tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ vốn góp.

(\*\*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống cho các hộ nông dân vay để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

00  
 Y  
 OT  
 AN  
 ANI  
 01  
 -1-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm (*)	376.173.851.418	-	394.731.069.270	-
Nguyên liệu, vật liệu	75.316.441.955	(2.540.658.911)	79.151.531.021	(3.207.961.805)
Hàng hóa	14.398.058.431	-	46.969.139.504	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.687.153.191	-	33.526.256.836	-
Công cụ, dụng cụ	783.023.716	(31.194.647)	737.670.211	(119.991.509)
Hàng gửi bán	331.824.262	-	155.899.762	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>536.690.352.973</u></b>	<b><u>(2.571.853.558)</u></b>	<b><u>555.271.566.604</u></b>	<b><u>(3.327.953.314)</u></b>

(\*) Công ty và Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, đã sử dụng toàn bộ thành phẩm tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	3.327.953.314	2.764.380.810
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(756.099.756)	-
Số cuối kỳ	<b><u>2.571.853.558</u></b>	<b><u>2.764.380.810</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	732.553.241.492	2.218.922.412.787	86.316.008.538	24.557.366.504	3.567.938.810	3.065.916.968.131
- Mua trong kỳ	2.293.670.000	10.636.061.244	2.431.626.000	216.650.000	-	15.578.007.244
- Thanh lý nhượng bán (*)	(2.568.478.439)	(158.415.879.329)	(11.547.176.601)	(1.167.763.804)	-	(173.699.298.173)
- Giảm khác (**)	(10.736.290.000)	-	-	-	-	(10.736.290.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>721.542.143.053</u>	<u>2.071.142.594.702</u>	<u>77.200.457.937</u>	<u>23.606.252.700</u>	<u>3.567.938.810</u>	<u>2.897.059.387.202</u>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	209.104.914.434	637.935.641.667	37.130.946.984	18.789.796.984	-	902.961.300.069
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	312.939.272.159	1.324.772.793.513	73.117.152.626	23.024.029.051	409.118.702	1.734.262.366.051
- Khấu hao trong kỳ	13.992.249.506	37.448.603.553	1.196.221.074	219.622.252	176.912.141	53.033.608.526
- Thanh lý nhượng bán (*)	(2.519.277.643)	(137.173.869.393)	(11.547.176.600)	(1.167.763.801)	-	(152.408.087.437)
- Giảm khác (**)	(1.705.452.313)	-	-	-	-	(1.705.452.313)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>322.706.791.709</u>	<u>1.225.047.527.673</u>	<u>62.766.197.100</u>	<u>22.075.887.502</u>	<u>586.030.843</u>	<u>1.633.182.434.827</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>419.613.969.333</u>	<u>894.149.619.274</u>	<u>13.198.855.912</u>	<u>1.533.337.453</u>	<u>3.158.820.108</u>	<u>1.331.654.602.080</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>398.835.351.344</u>	<u>846.095.067.029</u>	<u>14.434.260.837</u>	<u>1.530.365.198</u>	<u>2.981.907.967</u>	<u>1.263.876.952.375</u>

(\*) Bao gồm nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy đường số 1 đã được Công ty thanh lý trong kỳ với nguyên giá và khấu hao lũy kế lần lượt là 167.798.768.933 VND và 146.931.897.936 VND.

(\*\*) Thực hiện Nghị quyết số 251/NQ/ĐLS – HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị Công ty, Công ty đã bàn giao toàn bộ tài sản của Trường mầm non Công ty đường Lam Sơn được Công ty đầu tư bằng nguồn kinh phí sự nghiệp cho Ủy ban Nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa quản lý và sử dụng. Công ty đã ghi giảm giá trị tài sản cố định, giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định tại thời điểm bàn giao tài sản.

Công ty và các công ty con đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	19.037.780.000	18.778.159.158	10.087.620.418	47.903.559.576
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	19.037.780.000	18.778.159.158	10.087.620.418	47.903.559.576
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	-	457.840.700	457.840.700
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	953.683.756	9.804.034.245	10.757.718.001
Hao mòn trong kỳ	-	193.830.228	56.002.827	249.833.055
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	1.147.513.984	9.860.037.072	11.007.551.056
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	19.037.780.000	17.824.475.402	283.586.173	37.145.841.575
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	19.037.780.000	17.630.645.174	227.583.346	36.896.008.520

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	36.663.720.117	19.846.070.844
Dự án công viên sinh thái Thanh Tam	16.188.730.093	11.772.191.296
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	6.734.072.825	5.699.143.987
Các dự án khác	16.695.303.566	9.262.712.432
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.281.826.601</b>	<b>46.580.118.559</b>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	15.322.227.729	15.388.242.407
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.2	15.251.145.800	15.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.3	200.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30.773.373.529</b>	<b>30.639.388.207</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (i)	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân (ii)	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Tổng cộng
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	15.388.242.407	15.388.242.407
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	-	(66.014.678)	(66.014.678)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	15.322.227.729	15.322.227.729

(i) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp Ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**13.2 Đầu tư dài hạn khác**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017				Ngày 30 tháng 6 năm 2017			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>								
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>15.251.145.800</b>		<b>15.251.145.800</b>	<b>-</b>	<b>15.251.145.800</b>

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

**13.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu (là lãi suất trung bình đối với tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	28.363.978.401	-
Chi phí hỗ trợ thâm canh mía	3.505.208.352	2.220.046.155
Công cụ, dụng cụ	643.148.377	967.479.559
Khác	12.633.649.539	1.298.868.330
	<b>45.145.984.669</b>	<b>4.486.394.044</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	53.453.945.878	56.401.055.999
Công cụ, dụng cụ	1.602.726.504	1.746.535.054
Khác	3.274.852.644	3.105.386.030
	<b>58.331.525.026</b>	<b>61.252.977.083</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.477.509.695</b>	<b>65.739.371.127</b>

**15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	72.646.588.692	72.646.588.692	53.522.124.852	53.522.124.852
<i>Các hộ nông dân trồng mía</i>	43.288.034.391	43.288.034.391	711.492.000	711.492.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	29.358.554.301	29.358.554.301	52.810.632.852	52.810.632.852
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	1.543.366.487	1.543.366.487	11.162.193.087	11.162.193.087
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.189.955.179</b>	<b>74.189.955.179</b>	<b>64.684.317.939</b>	<b>64.684.317.939</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Người mua trả tiền trước	4.029.364.613	6.276.944.351
Các bên liên quan trả tiền trước ( <i>Thuyết minh số 32</i> )	-	543.700.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.029.364.613</b>	<b>6.820.644.351</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Số phải nộp/bù trừ trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Thuế giá trị gia tăng	5.222.164.476	31.196.191.808	(32.835.056.821)	3.583.299.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31)	10.542.554.421	4.438.972.889	(14.915.044.940)	66.482.370
Thuế thu nhập cá nhân	53.832.216	1.734.358.106	(1.689.663.113)	98.527.209
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	157.381.389	1.980.228.366	(1.985.848.120)	151.761.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.975.932.502</b>	<b>39.349.751.169</b>	<b>(51.425.612.994)</b>	<b>3.900.070.677</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	871.056.880	3.334.190.420
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.892.508.680	1.788.193.967
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	196.296.093	633.171.867
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu và vận chuyển mía	13.975.352.494	125.080.095
Các khoản khác	3.228.907.517	3.164.356.419
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.164.121.664</b>	<b>9.044.992.768</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền thường vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015/2016	2.234.355.000	2.234.355.000
Kinh phí công đoàn	1.833.887.930	1.736.230.388
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	764.087.163	774.601.080
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	624.102.586	703.925.934
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.334.589.499	7.472.148.112
	<b>15.791.022.178</b>	<b>12.921.260.514</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả tiền thường do vượt kế hoạch về lợi nhuận năm 2011	7.720.591.150	7.720.591.150
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.230.000.000	1.230.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.240.264.833	1.240.264.833
	<b>10.190.855.983</b>	<b>10.190.855.983</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.981.878.161</b>	<b>23.112.116.497</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>16.026.932.011</i>	<i>13.157.170.347</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>2.234.355.000</i>	<i>2.234.355.000</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>7.720.591.150</i>	<i>7.720.591.150</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Trong kỳ		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng	685.670.163.972	685.670.163.972	863.897.730.535	(739.026.416.148)	810.541.478.359	810.541.478.359
Vay đối tượng khác	1.330.000.000	1.330.000.000	-	(1.330.000.000)	-	-
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	5.440.000.000	5.440.000.000	5.044.850.000	(2.720.000.000)	7.764.850.000	7.764.850.000
	<b>692.440.163.972</b>	<b>692.440.163.972</b>	<b>868.942.580.535</b>	<b>(743.076.416.148)</b>	<b>818.306.328.359</b>	<b>818.306.328.359</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn đối tượng khác (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngân hàng	2.720.000.000	2.720.000.000	6.974.550.000	(5.044.850.000)	4.649.700.000	4.649.700.000
	<b>4.720.000.000</b>	<b>4.720.000.000</b>	<b>6.974.550.000</b>	<b>(5.044.850.000)</b>	<b>6.649.700.000</b>	<b>6.649.700.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>697.160.163.972</b>	<b>697.160.163.972</b>	<b>875.917.130.535</b>	<b>(748.121.266.148)</b>	<b>824.956.028.359</b>	<b>824.956.028.359</b>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng số 01/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2017 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2020 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	468.295.141.211	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 9 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,5% - 8%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	32.026.277.314	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 6 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng	6,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	50.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 2 tháng 5 năm 2018 Lãi vay được trả hàng tháng.	5,5%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	18.680.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,5% - 6,6%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	15.831.398.869	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 8 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,4% - 7%	Thành phẩm tồn kho của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	203.708.660.965	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 6 năm 2018. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,5%- 7,9%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	22.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 3 năm 2018. Lãi vay trả hàng tháng.	6%	Tín chấp
<b>810.541.478.359</b>				



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	6.974.550.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 25 tháng 2 năm 2018. Lãi vay trả hàng quý.	8.5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác và toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án đầu tư khai thác tối ưu năng lực phát điện.
<i>Trong đó</i> Vay dài hạn đến hạn trả	<i>2.324.850.000</i>			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	5.440.000.000	Gốc vay được thanh toán từ ngày 1 tháng 6 năm 2007 đến ngày 1 tháng 12 năm 2018. Lãi vay được trả 6 tháng một lần.	5,4%	Tín chấp
<i>Trong đó</i> Vay dài hạn đến hạn trả	<i>5.440.000.000</i>			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.414.550.000</u></b>			
<i>Trong đó</i> Vay dài hạn đến hạn trả	<i>7.764.850.000</i>			

**20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	29.988.282.510	24.371.405.691
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 22.1)	13.272.714.175	10.297.847.100
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.237.586.188)	(2.729.833.039)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>41.023.410.497</u></b>	<b><u>31.939.419.752</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	68.321.292.135	57.962.164.465
Trích lập quỹ trong kỳ	-	3.643.230.243
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(3.183.643.873)</u>	<u>(1.211.347.993)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>65.137.648.262</u></b>	<b><u>60.394.046.715</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>17.773.049.047</i>	<i>18.638.874.955</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>47.364.599.215</i>	<i>41.755.171.760</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>							
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	133.182.845	115.289.865.814	25.614.138.821	1.589.240.195.847
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	75.042.544.819	6.071.480.782	81.114.025.601
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	10.297.847.102	-	(10.297.847.102)	-	-
- Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.297.847.100)	-	(10.297.847.100)
- Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.234.355.000)	-	(2.234.355.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(13.577.834)	-	(13.577.834)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>578.324.443.685</u>	<u>133.182.845</u>	<u>97.488.783.597</u>	<u>31.685.619.603</u>	<u>1.587.808.441.514</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>							
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	700.000.000.000	180.176.411.784	578.116.732.076	127.719.882	148.580.351.423	37.381.210.473	1.644.382.425.638
- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	14.957.533.340	(2.083.070.867)	12.874.462.473
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(56.000.000.000)	(1.750.223.000)	(57.750.223.000)
- Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	-	11.999.050.340	-	(11.999.050.340)	-	-
- Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(11.999.050.340)	(1.273.663.835)	(13.272.714.175)
- Giảm khác	-	-	-	(16.134.139)	(652.269.636)	(506.684.666)	(1.175.088.441)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>700.000.000.000</u>	<u>180.176.411.784</u>	<u>590.115.782.416</u>	<u>111.585.743</u>	<u>82.887.514.447</u>	<u>31.767.568.105</u>	<u>1.585.058.862.495</u>

(\*) Việc chia cổ tức và các khoản phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 11 năm 2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Ngày 30 tháng 6 năm 2017		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.176.411.784	180.176.411.784	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>-</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>880.176.411.784</b>	<b>-</b>

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<b>700.000.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016 - 2017: 10.000 VND).

**22.4 Cổ phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>700.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

11/11/2017  
 CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN  
 KẾ TÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.5 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
--	---	---

**Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối  
trong kỳ**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

Cổ tức cho năm 2015/2016	-	70.000.000.000
Cổ tức cho năm 2016/2017	56.000.000.000	-

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế  
toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả**

	-	-
--	---	---

**23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC**

**23.1 Nguồn kinh phí**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
--	---	---

Số đầu kỳ	2.506.077.155	3.909.335.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	11.439.294.000	7.345.669.502
Chi sự nghiệp	(5.344.316.908)	(1.529.599.000)

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.601.054.247</b>	<b>9.725.406.095</b>
-------------------	----------------------	----------------------

**23.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
--	---	---

Số đầu kỳ	37.412.511.423	40.071.468.816
Sử dụng quỹ	(1.258.973.692)	(1.430.983.260)
Giảm khác (Thuyết minh số 10)	(9.030.837.687)	-

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.122.700.044</b>	<b>38.640.485.556</b>
-------------------	-----------------------	-----------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	91.930.000.000	187.465.634.602
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.157	3.256
- Euro (EUR)	249	335

(\*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là giá trị của 6.103 tấn đường và 4.605 tấn mật rỉ được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>475.541.945.621</b>	<b>858.283.989.122</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	426.198.537.356	768.278.003.643
Doanh thu bán hàng hóa	33.922.244.002	81.513.361.905
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.421.164.263	8.492.623.574
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>1.824.723.232</b>
Hàng bán bị trả lại	-	1.824.723.232
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>475.541.945.621</b>	<b>856.459.265.890</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	426.198.537.356	766.453.280.411
Doanh thu bán hàng hóa	33.922.244.002	81.513.361.905
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.421.164.263	8.492.623.574
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	393.025.031.333	527.192.742.588
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)	82.516.914.288	329.266.523.302

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.766.241.177	1.976.974.130
Lãi bán hàng trả chậm	157.480.000	65.860.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	408.307.375	733.220.381
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	-	11.067.299.347
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.332.028.552</b>	<b>13.843.353.858</b>

HÀNH VIÊN CÔNG TY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	360.698.551.725	605.974.905.271
Giá vốn của hàng hóa đã bán	33.485.401.799	78.944.578.943
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.717.563.064	8.048.246.005
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>402.901.516.588</u></b>	<b><u>692.967.730.219</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	21.094.671.074	18.853.285.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.314.391	303.666.290
Chi phí tài chính khác	187.739.349	157.570.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.319.724.814</u></b>	<b><u>19.314.522.039</u></b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	2.714.050.310	3.951.101.751
Chi phí vận chuyển	3.403.261.659	1.006.394.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.163.285.806	2.414.130.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.476.780.642	1.408.863.125
Chi phí bán hàng khác	1.305.289.715	5.569.343.759
	<b><u>13.062.668.132</u></b>	<b><u>14.349.833.745</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân công	11.993.395.004	14.591.535.332
Trích lập quỹ Khoa học Công nghệ trong kỳ	-	3.643.230.243
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.576.408.350	4.343.155.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.606.745.092	9.367.063.407
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.725.889.428	11.866.051.587
	<b><u>28.902.437.874</u></b>	<b><u>43.811.035.861</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.965.106.006</u></b>	<b><u>58.160.869.606</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>9.105.867.024</b>	<b>80.404.520</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định	6.836.591.131	-
Thu nhập khác	2.269.275.893	80.404.520
<b>Chi phí khác</b>	<b>5.208.092.706</b>	<b>4.357.595.833</b>
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	3.788.454.237	2.323.014.260
Chi phí khác	1.419.638.469	2.034.581.573
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN KHÁC</b>	<b><u>3.897.774.318</u></b>	<b><u>(4.277.191.313)</u></b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.664.618.110	331.713.649.589
Chi phí nhân công	30.952.255.162	35.975.730.557
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	49.129.618.932	45.339.137.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.721.876.721	48.727.059.966
Chi phí khác	10.309.173.367	22.823.702.093
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>393.777.542.292</u></b>	<b><u>484.579.279.561</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho giai đoạn tài chính sáu tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và 17% đối với các thu nhập từ các hoạt động khác tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; và
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.523.449.130	14.061.340.872
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	121.474.802	95.573.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.644.923.932</u></b>	<b><u>14.156.914.382</u></b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>17.519.386.405</b>	<b>95.270.939.983</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Khấu hao vượt mức quy định	267.461.256	267.461.256
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy còn và nhà máy đường số 1)	3.788.454.237	2.323.014.260
Thủ lao HĐQT, BKS không chuyên trách	364.000.000	380.900.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	2.441.706.495	-
Lỗ từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp	-	880.400.901
Các khoản tăng khác	66.895.238	384.270.633
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp	(254.218.097)	-
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(864.451.446)	(5.376.367.127)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>23.329.234.088</b>	<b>94.130.619.906</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(1.919.717.215)	(611.896.076)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>21.409.516.873</b>	<b>93.518.723.830</b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	10.197.380.441	7.442.435.554
Thu nhập chịu thuế suất 17%	-	298.053.252
Thu nhập chịu thuế suất 15%	15.254.108.536	72.518.976.143
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	15.511.266.648
Lỗ của các công ty con (*)	(4.041.972.104)	(2.252.007.767)
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>4.327.592.368</b>	<b>13.968.129.250</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	10.309.398.573	5.325.605.378
Điều chỉnh giảm thuế TNDN do chênh lệch tạm thời từ năm trước	(161.110.000)	(227.542.713)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản thanh tra của các cơ quan chức năng	356.966.762	320.754.335
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(14.915.044.940)	(6.893.061.943)
<b>Thuế TNDN (trả trước)/phải trả cuối kỳ</b>	<b>(82.197.237)</b>	<b>12.493.884.307</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ (Thuyết minh số 16)	66.482.370	12.493.884.307
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(148.679.607)	-

(\*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	4.459.805.683	4.569.567.255	109.761.572	95.573.510
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cân trừ khi hợp nhất khác	46.852.919	58.566.149	11.713.230	-
	<b>4.506.658.602</b>	<b>4.628.133.404</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>121.474.802</b>	<b>95.573.510</b>

811  
 CÔNG  
 T  
 IST  
 /IẾ  
 HI  
 HI  
 /KI



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Bán đường	304.761.905	27.394.189.678
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Bán phân bón Tạm ứng tiền sản xuất	-	916.100.000 - 11.939.713.406
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường Mua đường	82.212.152.383 7.320.000.000	300.956.233.624 -
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Dịch vụ vận chuyển	20.685.964.886	27.170.468.801

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Phải thu bán hàng	3.445.510.000	-
			<b>6.367.113.000</b>	<b>2.921.603.000</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	-	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	28.713.250	-
			<b>910.713.250</b>	<b>28.882.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	16.800.000.000	-
			<b>25.304.060.306</b>	<b>8.504.060.306</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	4.489.125.150
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Phải trả tiền mua hàng	1.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác	Phải trả tiền dịch vụ vận chuyển	223.366.487	6.673.067.937
			<b>1.543.366.487</b>	<b>11.162.193.087</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	-	543.700.000
			<b>-</b>	<b>543.700.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch	2.234.355.000	2.234.355.000
			<b><u>2.234.355.000</u></b>	<b><u>2.234.355.000</u></b>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</b>				
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch	7.720.591.150	7.720.591.150
			<b><u>7.720.591.150</u></b>	<b><u>7.720.591.150</u></b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lương và thưởng	2.533.392.883	2.190.062.246
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.533.392.883</u></b>	<b><u>2.190.062.246</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.957.533.340	75.042.544.819
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(7.150.416.646)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>14.957.533.340</b>	<b>67.892.128.173</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông</b>	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- <i>Lãi cơ bản</i>	214	970
- <i>Lãi suy giảm</i>	214	970

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính trước đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 11 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng khoảng 91% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn***

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 5.072.396.042 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.





***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 17,2 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Thực hiện Nghị quyết số 683 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện giao dịch mua lại 3.050.050 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển với giá giao dịch bình quân là 10.922 VND/cổ phiếu trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 1 năm 2018 đến ngày 8 tháng 2 năm 2018.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Người lập Nguyễn Thị Nhung	Kế toán trưởng Lê Thị Huệ	Tổng Giám đốc Lê Văn Phương
-------------------------------	------------------------------	--------------------------------

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2018